

Nam Định, ngày 10 tháng 6 năm 2025

**CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT  
NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**I. THÔNG TIN CHUNG ( Theo Điều 4)**

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Hoa Sen

**2. Địa chỉ:** Số 122 – Đường Lưu Hữu Phước – P.Quang Trung – TP Nam Định

- Điện thoại: 0228.3837.583

- Gmail: [mamnonhoasen.nd@gmail.com](mailto:mamnonhoasen.nd@gmail.com)

**3. Loại hình cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non công lập

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:**

**4.1. Sứ mạng:**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện đầy ắp tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân và tôn trọng sự khác biệt.

Tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, đội ngũ nhà giáo đạo đức, luôn có khát vọng được cống hiến, vươn lên giỏi về chuyên môn, đẹp trong tâm hồn; Là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tính cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

**4.2. Tầm nhìn:**

Xây dựng nhà trường uy tín về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; là địa chỉ tin cậy cho các bậc cha mẹ trẻ và cộng đồng xã hội.

**4.3. Mục tiêu:**

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Thực hiện nghiêm túc công tác bảo đảm an toàn cho trẻ; đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tăng cường công tác tuyên truyền về GDMN với nhiều hình thức; triển

khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) trong nhà trường.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo và hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi.

## **5. Quá trình hình thành và phát triển**

Trường Mầm non Hoa Sen tiền thân là Nhà trẻ Hoa Sen, được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2000 theo Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2000 của UBND tỉnh Nam Định.

Trên 24 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.

Chi ủy, Chi bộ được Đảng bộ phường Quang Trung tặng giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” nhiều năm liên tục.

Tập thể Công đoàn, Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Hoa Sen luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

## **6. Thông tin đại diện pháp luật**

Họ và tên: Trần Thị Hải Vân

Chức vụ: Hiệu trưởng

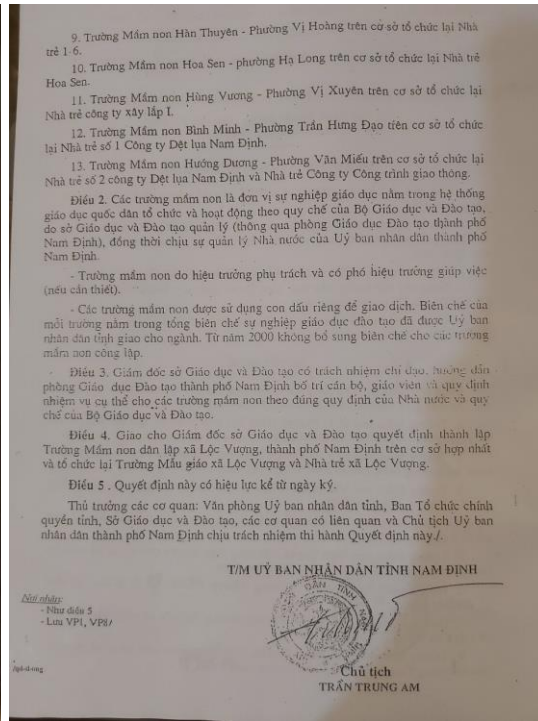
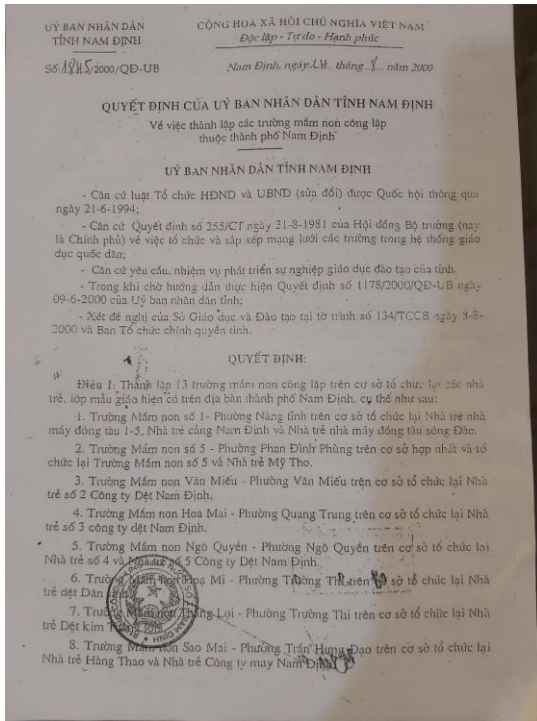
Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hoa Sen

Điện thoại: 0948.589.915

Email: tranhaivan231@gmail.com

## **7. Tổ chức bộ máy:**

**a. Trường được thành lập và hoạt động** từ tháng 8 năm 2000 theo Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2000 của UBND tỉnh Nam Định.



b. Nhà trường có Hội đồng trường được UBND thành phố Nam Định công nhận theo Quyết định số 5271/QĐ-UBND; Chủ tịch hội đồng là đồng chí Trần Thị Hải Vân- Bí thư chi bộ- Hiệu trưởng.



2

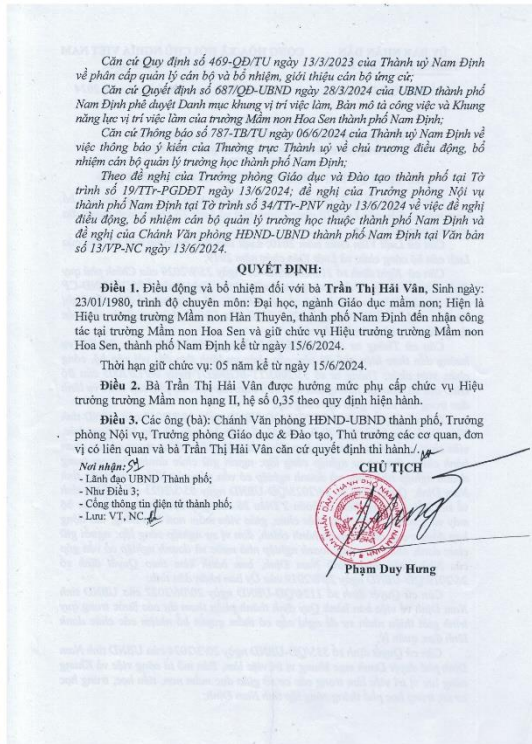
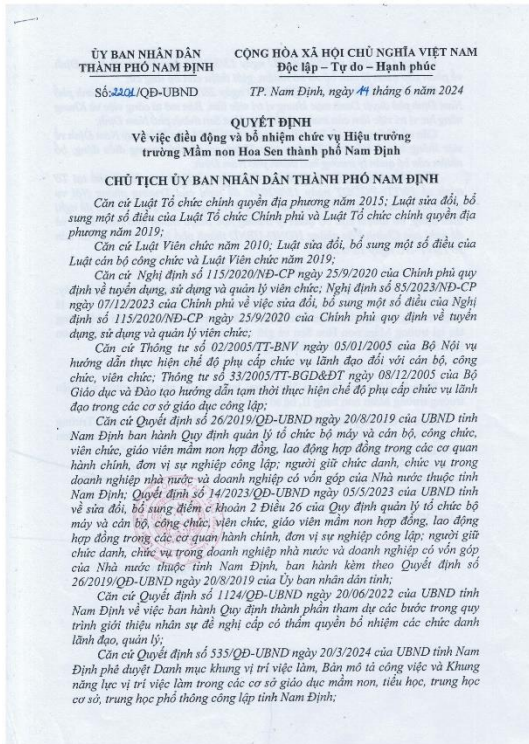
**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TRƯỞNG TRƯỞNG MẦM NON HOA SEN**  
NHIỆM KỲ 2021-2026

Quyết định số            /QĐ-UBND ngày            tháng            năm 2024  
của Chủ tịch UBND thành phố Nam Định

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Bà Trần Thị Hải Vân	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Chu Thị Thanh Nga	Phó Chủ tịch UBND Phường Quang Trung	Thành viên
3	Bà Trần Hồng Nhung	Giáo viên - Bí thư Chi đoàn thanh niên	Thư ký
4	Bà Lê Thành Chung	Giáo viên - Tổ trưởng tổ Mẫu giáo - Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
5	Bà Trần Thị Thu Thủy	Giáo viên - Tổ trưởng tổ Nhà trẻ và 3-4 tuổi	Thành viên
6	Bà Đỗ Thị Bích Ngọc	Kế toán - Đại diện tổ văn phòng	Thành viên
7	Bà Đoàn Thị Thủy Nga	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên

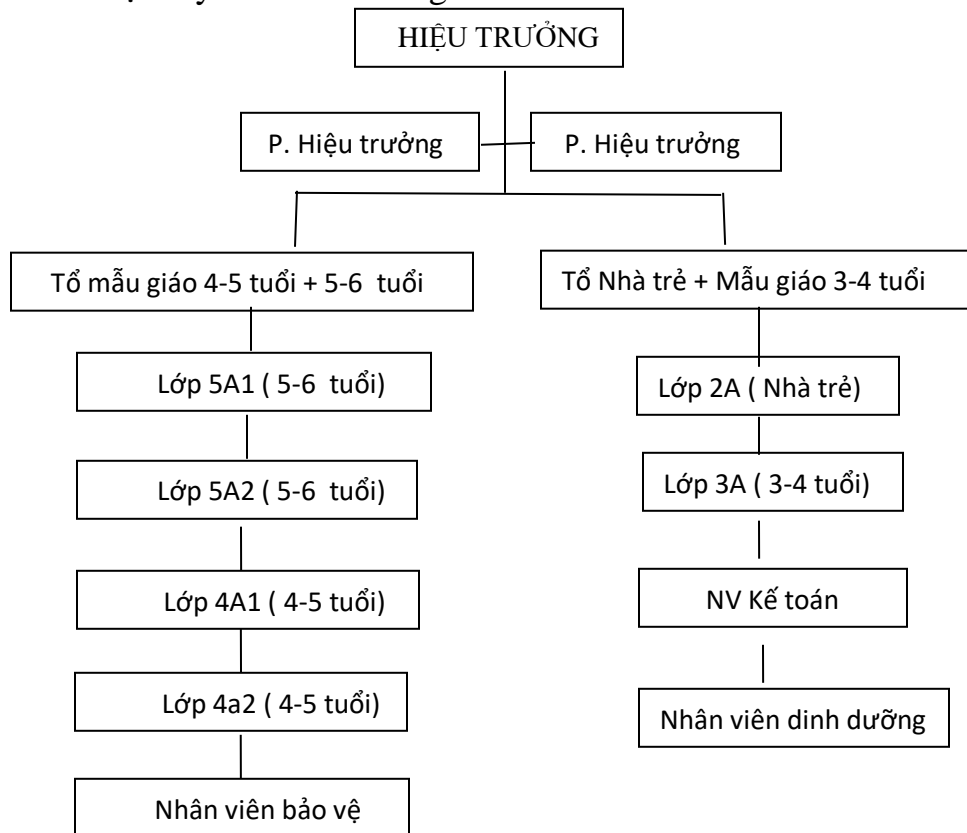
Danh sách này có 07 người./.

c. Đồng chí Trần Thị Hải Vân được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non Hoa Sen theo Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Nam Định.



d. Trường hoạt động có Quy chế làm việc trong trường mầm non Hoa Sen quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ bộ phận, cá nhân làm việc, giảng dạy trong nhà trường

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



đ. Quyết định thành lập tổ chuyên môn Trường có 2 tổ chuyên môn được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-MNHS ngày 23/8/2024 của Hiệu trưởng trường mầm non Hoa Sen.

e.Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo trường mầm non Hoa Sen, lãnh đạo các cơ sở trực thuộc, thành viên của nhà trường (nếu có): Như mục 6

**8. Các văn bản khác của nhà trường: Nhà trường đã xây dựng** chiến lược phát triển nhà trường, quy chế dân chủ; nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển nhà giáo, CBQL; kế hoạch thông báo tuyển dụng của nhà trường và các quy chế, quy định khác.

## II. Thu, chi tài chính ( Theo điều 5)

**1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:**

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
a. Các khoản thu	Ngân sách nhà nước	1.836.195.127đ	2.270.000.000
	Học phí	421.800.000đ	289.140.000
	Các khoản thu khác từ người học:	2.068.076.077	1.720.237.400
b. Các khoản chi phân theo:	Chi tiền lương và thu nhập	2.190.334.048	3.133.109.166
	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	95.320.000	130.817.300
	Chi hỗ trợ người học	585.000	4.780.000
	Chi khác	1.383.333.130	931.945.909

**2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học 2024-2025 và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo ( Nếu không có hướng dẫn mới):**

**- Khoản thu bắt buộc:**

Học phí: 130.000đ/trẻ/ tháng- Thực hiện thu 9 tháng trong 1 năm, thu theo tháng trẻ thực học.

Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực GD&ĐT thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Trẻ em 5 tuổi được miễn học phí từ năm học 2024-2025 ( hưởng từ 1/9/2024)

**- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động hỗ trợ giáo dục**

TT	Nội dung thu	Mức thu cho phép	Mức thu nhà trường xây dựng thỏa	Mức thu cha mẹ học sinh thống nhất	Nguyên tắc thu thỏa thuận
----	--------------	------------------	----------------------------------	------------------------------------	---------------------------

			<b>thuận cha mẹ học sinh</b>	<b>thỏa thuận nhà trường</b>	
1	Trông giữ xe đạp, xe đạp điện, xe máy của học sinh	-Xe đạp: 10.000đ/ tháng -Xe đạp điện; 20.000đ/ tháng -Xe máy: 30.000đ/ tháng	-Xe đạp: 10.000đ/ tháng -Xe đạp điện; 20.000đ/ tháng -Xe máy: 30.000đ/ tháng	-Xe đạp: 10.000đ/ tháng -Xe đạp điện; 20.000đ/ tháng -Xe máy: 30.000đ/ tháng	Thu 10 tháng / 01 năm học (Thu theo số tháng thực học, Thu 10 tháng )
2	Tiền nước uống học sinh	10.000 đồng/ Hs/tháng	10.000 đồng/Hs/tháng	10.000 đồng/Hs/tháng	Thu 10 tháng / 01 năm học (Thu theo số tháng thực học)
3	Chăm sóc trẻ ngày thứ 7 và trong thời gian nghỉ hè	30.000đ/trẻ/ ngày	30.000đ/trẻ/ ngày	30.000đ/trẻ/ ngày	
4	Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	18.000 đồng/ hs/tháng	18.000 đồng/hs/tháng	18.000 đồng/hs/tháng	Thu 10 tháng / 01 năm học (Thu theo số tháng thực học)
5	Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú	100.000đồng/ hs/ tháng	100.000 đồng/hs/tháng (Có thể Thay đổi do số lượng học sinh ăn bán trú biến động theo tháng)	100.000 đồng/hs/tháng (Có thể Thay đổi do số lượng học sinh ăn bán trú biến động theo tháng)	Thu theo số tháng thực nuôi ăn bán trú
6	Tiền quản lý, chăm sóc trẻ	6.000 đồng/trẻ (hs)/ngày	6.000 đồng/trẻ (học sinh)/ngày	6.000 đồng/trẻ (học sinh)/ngày	Thu theo ngày thực tế

	(học sinh) buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính				ăn bán trú
7	Dịch vụ ăn bán trú	30.000 đồng/trẻ (hs)/ngày	25.000 đồng/trẻ /ngày (trong đó: 23.000đ chi phục vụ trực tiếp cho bữa ăn hàng ngày của học sinh bán trú, 2.000 chi chất đốt, điện nước, tem vỡ lưu thực phẩm, nước rửa bát, ủng, găng tay.... phục vụ bán trú)	25.000 đồng/trẻ/ngày (trong đó: 23.000đ chi phục vụ trực tiếp cho bữa ăn hàng ngày của học sinh bán trú, 2.000 chi chất đốt, điện nước bán trú, tem vỡ, nước rửa bát, ủng, găng tay.....)	Thu theo ngày thực tế ăn bán trú
8	Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú nhà trẻ, mẫu giáo đối với trẻ bắt đầu vào trường	Thu theo nguyên tắc lấy thu đủ chi	500.000đ/ trẻ/ 1 lần trong những năm học tại trường	500.000 đ/ trẻ/ 1 lần trong những năm học tại trường	Thực hiện thu theo năm học, thu thực tế số trẻ tham gia ăn bán trú

### 3.Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng:

Năm học 2024-2025 nhà trường thực hiện miễn học phí cho 70 trẻ 5 tuổi, 1 trẻ hộ nghèo và giảm học phí cho 1 trẻ thuộc diện hộ cận nghèo. Thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định của nhà trường hỗ trợ đối với trẻ thuộc diện chính sách:

Số trẻ được hưởng	Đối tượng chính sách	Số tiền miễn, giảm, hỗ trợ		
		Học phí	Chi phí học tập	Tiền ăn trưa
01	Hộ nghèo	1.170.000đ (130.000đ/tháng * 9 tháng)	1.350.000đ (150.000đ/tháng * 9 tháng)	1.440.000đ (160.000đ/tháng * 9 tháng)

### 4.Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

### III. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non ( Theo điều

6)

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

1.1. Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường :

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		
			ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III
	<b>Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường</b>	<b>21</b>	<b>14</b>	<b>2</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	<b>13</b>
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>1</b>	<b>1</b>					<b>1</b>	
1	Hiệu trưởng		1					1	
2	Phó hiệu trưởng								
<b>II</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>14</b>	<b>12</b>	<b>2</b>				<b>2</b>	<b>12</b>
1	Nhà trẻ	3	2	1					3
2	Mẫu giáo	11	10	1				2	13
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>6</b>							
1	Nhân viên kế toán	1	1						
2	Nhân viên dinh dưỡng	3				2			
3	Nhân viên bảo vệ	2				2			
4	Nhân viên phục vụ								

1.2. Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024				Năm học 2024-2025 ( TDG)			
		Tốt	Khá	TB	KĐG	Tốt	Khá	TB	KĐG
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>		<b>2</b>			<b>1</b>			
1	Hiệu trưởng		<b>1</b>			1			
2	Phó Hiệu trưởng		<b>1</b>						
<b>II</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>10</b>	<b>4</b>			<b>10</b>	<b>4</b>		
1	Nhà trẻ	1	2			1	2		
2	Mẫu giáo	9	2			9	2		

1.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
<b>1</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>	<b>1</b>

	Số lượng	2	1
	Tỉ lệ	100%	100%
<b>2</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>14</b>	<b>14</b>
	Số lượng	14	14
	Tỉ lệ	100%	100%
<b>3</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
	Số lượng	1	1
	Tỉ lệ	100%	100%

## 2. Thông tin về cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Yêu cầu theo quy định
<b>1</b>	Diện tích khu đất xây dựng	911.2m <sup>2</sup>	911.2m <sup>2</sup>	
	Điểm trường			
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	4.5333	4.4 ( dự kiến)	<b>10m<sup>2</sup></b>
<b>2</b>	<b>Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng</b>			
<b>2.1</b>	<b>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ</b>			
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	<b>6</b>	<b>9</b>	
	Phòng vệ sinh	6	9	
	Phòng ngủ Phòng khác			
<b>2.2</b>	<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>			
	Thư viện	0	0	
	Phòng thể chất	0	0	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	0	0	
	Phòng khác			
<b>2.3</b>	<b>Khối phòng tổ chức ăn</b>			
	Nhà bếp	1	1	
	Nhà kho	1	1	
	Phòng khác			
<b>2.4</b>	<b>Khối phòng hành chính, quản trị</b>			
	Phòng hiệu trưởng	1	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	1	1	
	Văn phòng trường			

	Phòng họp	1	1	
	Phòng hành chính quản trị			
	Phòng bảo vệ	1	1	
	Phòng y tế		1	
	Phòng truyền thống			
	Phòng nhân viên		1	
	Phòng khác			
<b>2.5</b>	<b>Khối công trình công cộng</b>			
	Nhà xe giáo viên	1	1	
	Phòng khác			
	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	6	9 ( dự kiến)	
	Số lượng đồ chơi ngoài trời	5	5	
	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục	<b>15</b>	<b>15</b>	
	Ti vi	7	7	
	Máy tính	4	5	
	Máy in	6	7	

### **3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục**

#### **3.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.**

- Kết quả tự đánh giá:

Trường Mầm non Hoa Sen tự đánh giá chưa đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục.

#### **3.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm:**

- Trường không đủ các điều kiện thực hiện đánh giá ngoài.

- Năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch từng bước phấn đấu kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1.

4. trường mầm non Hoa Sen không thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài

### **IV. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non ( Theo điều 7)**

#### **1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:**

a. Kế hoạch tuyển sinh ( Thực hiện tháng 6/2024)

b. Kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ ( thực hiện theo quy định).

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình trẻ và xã hội ( có quy chế).

d. Thực đơn hàng ngày.( Hình ảnh thực đơn)

		THỰC ĐƠN MÙA HÈ TUẦN I-III NĂM HỌC 2024-2025					
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
Bữa chính trưa NT+MG		Com trắng	Com trắng	Com trắng	Com trắng	Com trắng	Com trắng
		Trứng tráng lá hẹ	Tôm rim cà rốt	Cá quả, thịt lợn sốt cà chua	Thịt gà om nấm hương	Thịt bò xào đậu cove, cà rốt, hành tây	Đậu phụ, thịt lợn sốt cà chua
		Rau muống xào thịt bò	Su su luộc	rau cải xào	Bí xanh luộc	Mùng toi xào tỏi	Su su, cà rốt luộc
		Canh cua nấu bí xanh	Canh tôm mùng toi	Canh rau hẹ nấu thịt lợn	Canh rau ngót nấu thịt lợn	Canh trứng đậu trắng, cà chua	Canh tép đồng nấu bầu (bí)
		Dưa hấu	Sữa chua Vinamilk	Thanh long	Sữa chua Vinamilk	Chuối	Sữa chua Vinamilk
Bữa phụ chiều MG		Miến ngan	Phở gà	Bánh đa nấu thịt lợn rau cải	Bún mọc cà chua	Bánh đa thịt lợn rau hẹ	Bún bò
		Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac
Bữa phụ chiều NT		Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac
Bữa chính chiều NT		Com trắng	Phở gà	Bánh đa nấu thịt lợn rau cải	Bún mọc cà chua	Bánh đa thịt lợn rau hẹ	Com trắng
		Thịt lợn rim					Thịt gà rim
		Canh rau cải nấu thịt					Canh gà nấu bí xanh

		THỰC ĐƠN MÙA HÈ TUẦN II-IV NĂM HỌC 2024-2025					
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
Bữa chính trưa NT+MG		Com trắng	Com trắng	Com trắng	Com trắng	Com trắng	Com trắng
		Thịt gà kho nấm đùi gà	Thịt lợn, tôm rim	Chả trứng, thịt rau củ (cà rốt, đậu cove, hành lá)	Cá trắm, thịt lợn sốt cà chua	Thịt bò hầm khoai tây, cà rốt	Thịt lợn sốt cà chua
		Đỗ quả luộc	Rau cải xào	Giá đỗ xào hành lá	Bí đỏ hấp	Su su luộc	Bí xanh
		Canh ngao, giá đỗ, dưa, cà chua	Canh tôm bí	Canh bí xanh nấu thịt	Canh rau cải nấu thịt lợn	Canh rau dền nấu thịt	Canh rau ngót thịt lợn
		Sữa chua Vinamilk	Chuối	Sữa chua Vinamilk	Dưa hấu	Sữa chua Vinamilk	Thanh long
Bữa phụ chiều MG		Bánh đa thịt lợn rau cải	Bún gà	Bún riêu cua mọc, đậu, cà chua	Phở bò	Miến gà	Bánh đa thịt bò cà chua
		Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac
Bữa phụ chiều NT		Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac	Sữa bột Dielac
Bữa chính chiều NT		Com trắng	Bún gà	Bún riêu cua mọc, đậu, cà chua	Phở bò	Miến gà	Com trắng
		Thịt lợn rim					Thịt lợn rang
		Canh cà chua thịt lợn					Canh bí thịt lợn

2. Thông tin về kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ năm học trước:

1.1 Kết quả hoạt động giáo dục:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	6	6
2	Tổng số trẻ	215	190
3	Số trẻ bình quân/lớp	35.83	4.5
4	Số trẻ học 2 buổi/ ngày	215	190
5	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kì	215	190
6	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Hoàn thành	Hoàn thành
7	Số trẻ khuyết tật	0	0

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:**

**1. Thực hiện tốt chủ đề của năm học “Kỷ cương, trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng”**

**2. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non:**

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, GV có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sách, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư CSVC, TTB phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần GV.

### **3. Đảm bảo các điều kiện trường lớp, CSVC, đội ngũ**

Tích cực tham mưu các cấp sửa chữa 1 số hạng mục nhà trường đã xuống cấp (chống ngập lụt, lát nền khu vực hành lang tầng 2...).

### **4. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

Công tác xã hội hóa tại nhà trường còn nhiều hạn chế, tuy nhiên nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa, cha mẹ học sinh hỗ trợ: 30 chậu hoa, sơn vẽ tường... tạo cảnh quan xanh-sạch-đẹp.

### **5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:**

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong nhà trường, đặc biệt trong công tác quản trị, quản lý, trong các hoạt động của nhà trường. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ,

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pinterest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

Xây dựng kho học liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường sử dụng tốt các phần mềm như: phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý công chức, viên chức...

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

## **6. Công tác thi đua, truyền thông**

Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do các cấp phát động.

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương.

Nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mầm non Hoa Sen, zalo nhóm lớp), thông qua website trường: <https://mnhoasen.namdinh.edu.vn>.